HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

LỜI NÓI ĐẦU

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Vương quốc Đan mạch;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và đẩy mạnh hợp tác giữa các xí nghiệp của hai quốc gia để khuyến khích việc sử dụng có hiệu quả các tiềm năng;

Nhận thấy rằng, sự đối xử công bằng, thoả đáng đối với đầu tư sẽ giúp cho việc thực hiện mục đích này;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này,

(1) Thuật ngữ "đầu tư" có nghĩa là mọi loại tài sản liên quan đến những hoạt động kinh tế được thực hiện nhằm mục đích thiết lập mối quan hệ kinh tế lâu dài giữa nhà đầu tư và xí nghiệp dù dưới bất cứ hình thức pháp lý nào, kể cả liên doanh. Thuật ngữ đầu tư còn bao gồm bất kỳ phần góp vốn nào thuộc sở hữu của nhà đầu tư, cũng như bất kỳ sự tăng vốn nào, và đặc biệt, nhưng không phải chỉ là:

(i) cổ phần, phần tham gia, hoặc bất kỳ hình thức tham gia nào khác vào công ty được thành lập trên lãnh thổ của một Bên ký kết;

(ii) thu nhập được tái đầu tư, khiếu nại về tiền, hoặc cácquyền khác liên quan tới các dịch vụ có giá trị tài chính;

(iii) động sản, bất động sản, cũng như các quyền khác như cầm cố, đặc quyền, bảo đảm và bất kỳ quyền tương tự nào khác phù hợp với Luật của Bên ký kết mà tài sản nằm trên lãnh thổ của Bên ký kết đó;

(iv) quyền sở hữu về công nghiệp và trí tuệ, công nghệ, nhãn hiệu thương mại, đặc quyền kế nghiệp, bí quyết kỹ thuật và những quyền tương tự khác;

(v) những tô nhượng kinh doanh theo Luật hoặc hợp đồng, bao gồm những tô nhượng liên quan đến tài nguyên thiên nhiên;

(vi) hàng hóa mà theo hợp đồng cho thuê liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này được đặt dưới quyền định đoạt của người thuê theo hợp đồng trên lãnh thổ của một Bên ký kết phù hợp với luật pháp và qui định của Bên đó, sẽ được đối xử không kém thuận lợi hơn so với đầu tư.

(2) Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là những khoản thu từ đầu tư, bao gồm đặc biệt, nhưng không phải tất cả lợi nhuận, lãi cho vay, khoản sinh lời từ vốn, lãi cổ phần, tiền bản quyền hoặc phí. Những khoản thu nhập đó và những khoản thu nhập từ tái đầu tư sẽ được bảo hộ như những đầu tư.

(3) Thuật ngữ "nhà đầu tư" được hiểu theo qui định của mỗi Bên ký kết:

(a) Tự nhiên nhân là những công dân của mỗi Bên ký kết phù hợp với luật pháp của nước mình;

(b) Bất kỳ thực thể nào được thành lập và công nhận như một pháp nhân theo Luật của Bên ký kết đó như: Các công ty, hãng, hiệp hội, các tổ chức tài chính, phát triển, các quỹ hoặc các thực thể tương tự, bất kể trách nhiệm của các thực thể ấy có hữu hạn hay không, hoặc các hoạt động của chúng có trực tiếp thu lợi nhuận hay không.

(4) Thuật ngữ "lãnh thổ" đối với mỗi Bên ký kết là lãnh thổ thuộc chủ quyền của Bên đó, vùng biển và các vùng tiếp giáp lãnh hải mà ở đó phù hợp với luật quốc tế, Bên ký kết thực hiện chủ quyền, quyền chữ quyền hoặc tài phán.

(5) "Bên ký kết" là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam hoặc Vương quốc Đan mạch tùy theo ngữ cảnh.

(6) Thuật ngữ "không chậm trễ" được coi là được đáp ứng nếu việc chuyển giao được thực hiện theo yêu cầu thông thường của thông lệ tài chính quốc tế .

ĐIỀU 2
KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

Mỗi Bên ký kết sẽ chấp nhận những khuyến khích đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và thực tiễn hành chính nước mình, và khuyến khích tối đa những đầu tư đó, kể cả việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các văn phòng đại diện.

ĐIỀU 3
BẢO HỘ ĐẦU TƯ

(1) Những đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử công bằng, thoả đáng và được bảo hộ đầy đủ, an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ một biện pháp nào bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử làm thiệt hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, điều hành hoặc chuyển nhượng những đầu tư trên lãnh thổ nước mình của nhà đầu tư Bên ký kết kia.

(2) Trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật và qui định của mình, không một Bên ký kết nào được đối xử đối với những đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia hoặc những thu nhập từ đầu tư đó kém thuận lợi hơn so với những đối xử dành cho đầu tư hoặc cho thu nhập của những nhà đầu tư của mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào (tiêu chuẩn được coi là thuận lợi hơn tùy theo quan điểm của nhà đầu tư).

(3) Trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật và qui định của mình, không một Bên ký kết nào được đối xử với nhà đầu tư của Bên ký kết kia trong việc quản lý, duy trì, sử dụng, điều hành hoặc chuyển nhượng đầu tư hoặc thu nhập kém thuận lợi hơn so với những đối xử dành cho nhà đầu tư của mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào (tiêu chuẩn được coi là thuận lợi hơn tùy theo quan điểm của nhà đầu tư).

ĐIỀU 4
TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

(1) Những qui định của Hiệp định này liên quan đến việc bảo đảm đối xử không kém thuận lợi hơn so với đối xử dành cho các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết kia hoặc của bất kỳ nước thứ ba nào sẽ không có nghĩa là bắt buộc mỗi Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào xuất phát từ:

(a) bất kỳ một liên minh thuế quan hiện tại hoặc tương lai, những tổ chức kinh tế khu vực hoặc các Hiệp định quốc tế tương tự, mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ tham gia; hoặc

(b) bất kỳ Hiệp định hay thỏa thuận quốc tế hoặc pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hay chủ yếu đến việc đánh thuế.

(2) Những qui định của Điều 7, mục 1 của Hiệp định này sẽ không cản trở

tới quyền của mỗi Bên ký kết thực hiện các biện pháp bảo hộ đối với việc chuyển vốn của nhà đầu tư của Bên ký kết kia miễn là các biện pháp đó được thực hiện phù hợp với các Hiệp định đa phương mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ là thành viên.

ĐIỀU 5
TƯỚC ĐOẠT QUYỀN SỞ HỮU VÀ BỒI THƯỜNG

Những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hoá, tước đoạt hoặc bị áp dụng các biện pháp có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá, tước đoạt quyền sở hữu (sau đây gọi là "tước đoạt quyền sở hữu") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, trừ trường hợp vì mục đích công cộng do nhu cầu nội bộ của Bên tước đoạt quyền sở hữu, trên cơ sở không phân biệt đối xử và phải bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và có hiệu quả. Khoản bồi thường đó sẽ được tính theo giá thị trường của khoản đầu tư bị tước đoạt ngay trước khi việc tước quyền sở hữu hoặc việc đe dọa tước quyền sở hữu đó được công bố. Việc bồi thường sẽ được thực hiện không chậm trễ, bao gồm cả lãi suất Libor cho đến ngày thanh toán và có hiệu quả bằng đồng tiền chuyển đổi và được tự do chuyển. Sẽ có qui định pháp lý cho phép nhà đầu tư có liên quan được quyền ngay lập tức xem xét tính hợp pháp của các biện pháp đã thực hiện chống lại việc đầu tư và sự xác định giá phù hợp với các nguyên tắc nêu trong mục này theo thủ tục pháp lý thích hợp trên lãnh thổ của Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt quyền sở hữu.

ĐIỀU 6
BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có những đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo loạn, nổi dậy trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ được Bên ký kết kia dành cho sự đối xử về việc hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc các biện pháp khác không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào (tiêu chuẩn được coi là thuận lợi hơn tùy theo quan điểm của nhà đầu tư). Việc thanh toán theo qui định của Điều này sẽ được tự do chuyển; tiến hành không chậm trễ và thực hiện có hiệu quả bằng đồng tiền chuyển đổi.

ĐIỀU 7
CHUYỂN VỐN VÀ THU NHẬP

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép chuyển không chậm trễ :

(a) vốn đầu tư hoặc khoản thu từ việc thanh lý, chuyển nhượng toàn bộ hay từng phần đầu tư;

(b) những thu nhập thực tế;

(c) những thanh toán cho các khoản tín dụng đầu tư và các khoản lãi đến hạn;

(d) phần thu nhập hợp pháp của người nước ngoài được phép làm việc cho dự án đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

(2) Sự chuyển tiền theo Điều 5, 6 và mục (1) của Điều này sẽ được thực hiện bằng đồng tiền chuyển đổi đã dùng để đầu tư hoặc bằng bất kỳ đồng tiền chuyển đổi nào, nếu được nhà đầu tư chấp thuận, theo tỷ giá chuyển đổi chính thức vào ngày chuyển.

ĐIỀU 8
THẾ QUYỀN

Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được họ chỉ định tiến hành việc thanh toán cho nhà đầu tư của mình theo sự bảo đảm đã thoả thuận đối với đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận:

(a) Sự chuyển nhượng theo luật hoặc theo một sự giao dịch hợp pháp tại nước đó về bất kỳ quyền hoặc khiếu nại nào của nhà đầu tư cho Bên ký kết của nhà đầu tư hoặc cơ quan được chỉ định, cũng như là

(b) Bên ký kết của nhà đầu tư đó hoặc cơ quan được chỉ định được thế quyền thực hiện các quyền và khiếu nại của nhà đầu tư và sẽ thực hiện các nghĩa vụ liên quan tới đầu tư.

ĐIỀU 9
TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

(1) Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các Bên tranh chấp .

(2) Nếu vụ tranh chấp giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia không được giải quyết xong trong thời gian 3 tháng, thì nhà đầu tư có quyền

đưa vụ tranh chấp ra:

(a) Trung tâm Quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư theo các điều khoản của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các Quốc gia và các Công dân của các Quốc gia khác được ký kết tại Washington D. C ngày 18/3/1965, trong trường hợp hai Bên ký kết là thành viên của công ước này, hoặc

(b) một trọng tài viên hoặc tổ chức trọng tài ad- hoc quốc tế được thành lập theo Qui chế Trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế. Các Bên tranh chấp có thể thỏa thuận bằng văn bản về việc thay đổi Qui chế này. Phán quyết của trọng tài là chung thẩm và bắt buộc đối với hai Bên tranh chấp.

ĐIỀU 10
NHỮNG TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

(1) Những tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, sẽ cố gắng giải quyết bằng thương lượng giữa các Bên ký kết.

(2) Nếu vụ tranh chấp đó không giải quyết được trong vòng 3 tháng kể từ khi bắt đầu thương lượng, thì theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra toà án trọng tài.

(3) Tòa án trọng tài sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách thức như sau: Trong vòng 3 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu về trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của tòa án trọng tài. Hai thành viên này sẽ chọn một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch Toà án, người này được hai Bên ký kết chấp thuận . Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng 3 tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

(4) Nếu trong thời gian đã ấn định, sự chỉ định cần thiết chưa được thực hiện và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác, thì một trong hai Bên ký kết có thể mời Chủ tịch Toà án quốc tế tiến hành việc chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu vì lý do nào đó, Chủ tịch không thể thực hiện chức năng này, thì Phó Chủ tich sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết, hoặc nếu vì lý do nào đó không thể thực hiện chức năng này, thì một thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án quốc tế không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời tiến hành việc chỉ định cần thiết.

(5) Tòa án trọng tài sẽ áp dụng các điều khoản của Hiệp định này và các

Hiệp định khác mà các Bên ký kết đã tham gia cũng như những tiêu chuẩn về thủ tục cần thiết theo luật pháp quốc tế. Tòa án trọng tài sẽ quyết định theo đa số phiếu. Quyết định này là chung thẩm và bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Tòa án trọng tài qui định thủ tục riêng của mình.

(6) Mỗi Bên ký kết chịu chi phí cho thành viên của tòa án và đại diện của mình trong quá trình tố tụng. Chi phí cho Chủ tịch và những chi phí còn lại sẽ chia đều cho các Bên ký kết.

ĐIỀU 11
SỬA ĐỔI

Khi Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực hoặc vào bất kỳ thời gian nào sau đó, các qui định của Hiệp định này có thể được sửa đổi theo thoả thuận giữa các Bên ký kết. Sự sửa đổi đó sẽ có hiệu lực khi các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc hoàn thành thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 12
TRAO ĐỔI Ý KIẾN

(1) Mỗi Bên ký kết có thể đề nghị Bên ký kết kia trao đổi ý kiến về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến việc áp dụng Hiệp định này. Việc trao đổi này sẽ được tổ chức theo đề nghị của một trong các Bên ký kết tại địa điểm và thời gian được thoả thuận qua đường ngoại giao.

(2) Việc trao đổi ý kiến về áp dụng điều 3, mục 2 và 3 sẽ được tiến hành trong vòng 3 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực. Những trao đổi này nhằm thỏa thuận về việc qui chế đãi ngộ như nhà đầu tư trong nước có được áp dụng đầy đủ hay không và sửa đổi Điều 3 mục 2 và 3 cho phù hợp với những thỏa thuận đó.

ĐIỀU 13
ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH

Những quy định của Hiệp định này sẽ áp dụng cho những đầu tư do các nhà đầu tư của một Bên ký kết thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sau ngày 29 tháng 12 năm 1987.

ĐIỀU 14
MỞ RỘNG LÃNH THỔ

Theo Điều 1, Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với đảo Faroe và Greenland. Những qui định của Hiệp định này có thể được áp dụng đối với đảo Faroe và Green land nếu có sự thỏa thuận bằng trao đổi công hàm giữa các Bên ký kết.

ĐIỀU 15
HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 3O ngày kể từ ngày Chính phủ của các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 16
THỜI HẠN VÀ KẾT THÚC

(1) Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian 1O năm và tiếp tục có hiệu lực sau đó, trừ khi sau khi kết thúc giai đoạn 1O năm đầu, một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về ý định kết thúc Hiệp định. Thông báo về kết thúc sẽ có hiệu lực một năm sau khi Bên ký kết kia nhận được thông báo đó.

(2) Đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày có hiêu lực của thông báo về việc kết thúc Hiệp định này, những qui định của các điều từ Điều 1 đến Điều 10 có hiệu lực thêm 10 năm nữa kể từ ngày đó.

Chứng thực cho việc ký kết dưới đây, người đại diện có thẩm quyền của Chính phủ mỗi nước ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Hà nội ngày 25 tháng 8 năm 1993 bằng tiếng Việt nam, tiếng Dan mạch và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC DAN MẠCH

Hà nội, ngày 25 tháng 8 năm 1993

Thưa ngài,

Tôi lấy làm hân hạnh trở lại bản Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương Quốc Đan Mạch về khuyến khích và bảo hộ đầu tư ký ngày 25/8/1993.

Theo tinh thần của Điều 3, phần 2 và 3, và Điều 12, phần 2 của Hiệp định này, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Đan Mạch đều hiểu là Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông báo chấp nhận nguyên tắc dành cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của mình. Tuy nhiên, do đang trong thời kỳ quá độ thực hiện cải cách kinh tế, Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chưa thể áp dụng ngay và đầy đủ nguyên tắc này. Tình hình đó được phản ánh trong pháp luật của Việt Nam.

Tuy nhiên, hai Chính phủ đã thoả thuận sẽ tiến hành tham khảo ý kiến, lần đầu trong vòng 3 năm sau khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, nhằm đi đến thoả thuận liệu có thể vào một thời điểm nào đó áp dụng đầy đủ nguyên tắc đối xử quốc gia mà không có bất cứ ngoại lệ nào theo luật pháp của Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nay không. Khi giữa hai Chính phủ đã đạt được thoả thuận như vậy, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chấp nhận rằng Điều 3, phần 2 và 3 sẽ được sửa đổi cho phù hợp.

Tôi trân trọng đề nghị rằng Công hàm này, với sự chuẩn xác theo ngôn ngữ tiếng Anh và phúc đáp của Ngài sẽ đem lại sự hiểu biết giữa hai Chính phủ chúng ta, sẽ được coi là một bộ phận không tách rời của Hiệp định nói trên.

Xin gửi Ngài lời chào trân trọng nhất.

BỘ TRƯỞNG-CHỦ NHIỆM
ỦY BAN NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ngài Bộ trưởng Bộ Tài chính
Vương Quốc Đan Mạch

ĐẬU NGỌC XUÂN

Copenhagen, ngày 25 tháng 8 năm 1993

Thưa Ngài

Tôi lấy làm hân hạnh đề cập tới Công hàm của Ngài đề ngày 25/8/1993.

Tôi cũng xin được vinh dự xác nhận sự giải thích của Chính phủ Vương Quốc Đan Mạch và Chính phủ Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là theotinh thần của Điều 3, phần 2 và 3, và Điều 12, phần 2 của Hiệp định nói trên, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông báo chấp nhận nguyên tắc dành cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư của mình. Tuy nhiên, do đang trong thời kỳ quá độ thực hiện cải cách kinh tế, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chưa thể áp dụng ngay và đầy đủ nguyên tắc này.Tình hình đó được phản ảnh trong pháp luật của Việt Nam.

Tuy nhiên, hai Chính phủ đã thoả thuận sẽ tiến hành tham khảo ý kiến, lần đầu trong vòng 3 năm sau khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, nhằm đi đến thoả thuận liệu có thể vào một thời điểm nào đó áp dụng đầy đủ nguyên tắc đối xử quốc gia mà không có bất cứ ngoại lệ nào theo luật pháp của Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hay không. Khi giữa hai Chính phủ đã đạt được thoả thuận như vậy, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chấp nhận rằng Điều 3, phần 2 và 3 sẽ được sửa đổi theo cho phù hợp.

Tôi xin xác nhận rằng bản Công hàm đề ngày 25/8/1993 của Ngài và bản phúc đáp của tôi với sự chuẩn xác theo ngôn ngữ tiếng Anh sẽ đem lại sự hiểu biết giữa hai Chính phủ chúng ta và được coi là một bộ phận không tách rời của Hiệp định nói trên.

Xin gửi Ngài lời chào trân trọng nhất.

Ngài Bộ trưởng-Chủ nhiệm
Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư
Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH

Overenskomst
mellem den socialistiske republik Vietnams Regering og Kongeriget Danmarks Regering om fremme og gensidig beskyttelse af investeringer.

Præambel

Den socialistiske republik Vietnams regering og Kongeriget Danmarks regering,

SOM ØNSKER at skabe fordelagtige betingelser for investeringer i begge stater og styrke samarbejdet mellem foretagender i begge stater med henblik på at stimulere den produktive anvendelse af ressourcer,

SOM ANERKENDER, at en rimelig og retfærdig behandling af investeringer på et gensidigt grundlag vil tjene dette formål,

ER BLEVET enige om følgende:

Artikel 1

Definitioner

I denne overenskomst

(1) skal udtrykket "investering" omfatte enhver form for aktiver i forbindelse med økonomiske aktiviteter erhvervet med det formål at etablere varige økonomiske relationer mellem en investor og et foretagende uanset juridisk form, herunder joint ventures og omfattende enhver kapitalandel, som investorer er berettigede til, såvel som kapitalvinding og i særdeleshed men ikke udelukkende:

(i) aktier, andele eller enhver anden form for deltagelse i selskaber registrerede på den ene kontraherende parts territorium,

(ii) geninvesteret udbytte, fordringer på penge eller andre rettigheder knyttet til tjenester af finansiel værdi,

(iii) løsøre og fast ejendom såvel som enhver anden rettighed, såsom panterettigheder, privilegier, garantier og alle andre lignende rettigheder defineret i overensstemmelse med loven på den kontraherende parts territorium i hvilket aktivet befinder sig,

(iv) industrielle og intellektuelle ejendomsrettigheder, teknologi, varemærker, goodwill, know-how og enhver anden lignende rettighed,

(v) forretningskoncessioner, som er tildelt ved lov eller kontrakt, herunder koncessioner i relation til naturressourcer,

(vi) værdigoder, som under en leasingaftale, i forbindelse med en investering under denne overenskomst er stillet til rådighed for en lejer på den ene kontraherende parts territorium i overensstemmelse med dets love og bestemmelser, skal ikke behandles mindre gunstigt end en investering.

(2) Udtrykket "udbytte" skal betyde de beløb, som investeringen afkaster, omfattende især, men ikke udelukkende fortjeneste, renter, kapitalgevinster, dividender, royalties eller honorarer.

Sådanne beløb og i tilfælde af reinvesteringsbeløb, der hidrører fra reinvesteringen, skal have den samme beskyttelse som investeringen.

(3) Udtrykket "investor" skal for begge kontraheren de parters vedkommende betyde:

(a) Fysiske personer med status som statsborgere i en kontraherende part i overensstemmelse med dens lov.

(b) Enhver enhed etableret i overensstemmelse med og anerkendt som en juridisk person i henhold til loven i den kontraherende part, såsom aktieselskaber, firmaer, sammenslutninger, finansieringsinstitutioner på udviklingsområdet, fonde eller lignende enheder uanset om de har begrænset ansvar og om deres aktiviteter tilstræber profit.

(4) Udtrykket "territorium" skal for hver kontraherende part omfatte det territorium, som hører under dets suverænitet samt de havområder og undersøiske områder, over hvilke den kontraherende part udøver suveræne rettigheder eller jurisdiktion i henhold til folkeretten.

(5) "Kontraherende part" skal betyde Kongeriget Danmark eller den socialistiske republik Vietnam, som den rette sammenhæng kræver.

(6) Udtrykket "uden forsinkelse" skal betragtes som opfyldt, hvis en overførsel er foretaget inden for et sådant tidsrum, som normalt kræves efter international finansiel sædvane.

Artikel 2

Investeringsfremme

Hver kontraherende part skal i overensstemmelse med sine love og bestemmelser tillade investeringer fra den anden kontraherende parts investorer og skal i videst muligt omfang fremme sådanne investeringer, herunder lette etableringen af repræsentationskontorer.

Artikel 3

Investeringsbeskyttelse

(1) Investeringer fra investorer fra hver af de kontraherende parter skal til enhver tid gives en rimelig og retfærdig behandling og skal ydes fuld beskyttelse og sikkerhed i den anden kontraherende parts territorium. Ingen kontraherende part må på nogen måde ved urimelige eller diskriminatoriske foranstaltninger på sit territorium i forholdet til den anden kontraherende parts investorer skade forvaltningen, opretholdelsen, anvendelsen eller besiddelsen af investeringer.

(2) Ingen kontraherende part må på sit territorium i henhold til sine love og bestemmelser underkaste investeringer foretaget af den anden kontraherende parts investorer eller udbytte af sådanne investeringer en mindre gunstig behandling end den, som gives investeringer eller udbytte, der tilkommer dens egne investorer eller investorer fra noget tredjeland (idet den set fra investors synspunkt mest gunstige behandling lægges til grund).

(3) Ingen kontraherende part må på sit territorium i henhold til sine love og bestemmelser udsætte den anden kontraherende parts investorer for en mindre gunstig behandling af deres investeringer eller udbytte, hvad angår forvaltning, opretholdelse, anvendelse eller besiddelse end den, som gives dens egne investorer eller investorer fra noget tredjeland (idet set fra investors synspunkt mest gunstige behandling lægges til grund).

Artikel 4

Undtagelser

(1) Bestemmelserne i denne aftale vedrørende tilståelsen af en ikke mindre gunstig behandling end den, der gives investorer fra nogen af de kontraherende parter eller noget tredjeland, skal ikke udlægges som en forpligtelse for den ene kontraherende part til at tilbyde investorer fra den anden kontraherende part fordelene ved nogen behandling, præference eller privilegier, der hidrører fra:

(a) Enhver eksisterende eller fremtidig toldunion, regional økonomisk organisation eller tilsvarende international overenskomst, i hvilken nogen af de kontraherende parter er eller måtte blive part.

(b) Enhver international overenskomst eller ordning, som helt eller fortrinsvis vedrører beskatning, eller enhver national lovgivning, som helt eller fortrinsvis vedrører beskatning.

(2) Bestemmelserne i artikel 7, stk. 1, i denne aftale skal ikke præjudicere en kontraherende parts ret til at foretage beskyttende foranstaltninger vedrørende kapitalbevægelser foretaget af en investor fra den anden kontraherende part, forudsat at sådanne foranstaltninger foretages i overensstemmelse med multilaterale aftaler, som en af de kontraherende parter har indgået eller kan indgå.

Artikel 5

Ekspropriation og erstatning

Investeringer fra hver kontraherende parts investorer må ikke nationaliseres, eksproprieres eller underkastes foranstaltninger med tilsvarende virkning som nationalisering eller ekspropriation (i det følgende benævnt "ekspropriation") på den anden kontraherende parts territorium, medmindre det sker af hensyn til

almenvellet og ekspropriationen er knyttet til den eksproprierende parts interne behov på et ikke-diskriminatorisk grundlag og mod en omgående, fyldestgørende og effektiv erstatning. Denne erstatning skal svare til markedsværdien af den eksproprierede investering eller det eksproprierede udbytte umiddelbart før ekspropriationen eller den forestående ekspropriation blev offentlig kendt, skal effektueres uden forsinkelse og skal forrentes med LIBOR indtil udbetalingsdagen, skal kunne omsættes i konvertibel valuta og frit kunne overføres. Der skal være retsregler, der giver den berørte investor ret til omgående at få prøvet lovligheden af den foranstaltning, der er blevet truffet mod investeringen og af erstatningsvurderingen i overensstemmelse med de principper, der er fastsat i denne artikel ved sagsanlæg på den eksproprierende kontraherende parts territorium.

Artikel 6

Erstatning for tab

Investorer fra en kontraherende part, hvis investeringer på den anden kontraherende parts territorium lider tab på grund af krig eller anden væbnet konflikt, revolution, national undtagelsestilstand, revolte, oprør eller uroligheder på sidstnævnte kontraherende parts territorium, skal gives en behandling af sidstnævnte kontraherende part, hvad angår genindsættelse i tidligere rettigheder, skadesløsholdelse, erstatning eller anden fyldestgørelse, der ikke er mindre gunstig end den, som sidstnævnte kontraherende part giver sine egne investorer eller investorer fra noget tredjeland (den set fra investors synspunkt mest gunstige behandling). Betalinger, der hidrører fra en hvilken som helst bestemmelse i denne artikel skal frit kunne overføres, skal foretages uden forsinkelse og skal have omsætningsværdi i konvertibel valuta.

Artikel 7

Hjemtagning og overførsel af kapital og udbytte

(1) Hver kontraherende part skal uden forsinkelse tillade overførsel af:

(a) den investerede kapital eller provenuet af hel eller delvis likvidation eller overdragelse af investeringen;

(b) det realiserede udbytte;

(c) betalingerne, som udgør afdrag på gæld vedrørende investeringer og forfaldne renter;

(d) en godkendt del af indkomsterne fra de fremmede statsborgere, som har tilladelse til at arbejde i forbindelse med en investering på den anden kontraherende parts territorium.

(2) Overførsler i henhold til artikel 5, 6 og stykke (1) i denne artikel skal ske i den konvertible valuta, hvori investeringen er foretaget, eller, hvis investor er enig heri, i en hvilken som helst anden konvertibel valuta til den officielle vekselkurs gældende på overførselsdatoen.

Artikel 8

Subrogation

Hvis en kontraherende part eller dennes designerede agent foretager betaling til sine egne investorer under en garanti, den har tildelt med hensyn til en investering på den anden kontraherende parts territorium, skal sidstnævnte kontraherende part anerkende:

(a) overdragelsen af en hvilken som helst rettighed eller fordring fra investoren til førstnævnte kontraherende part eller dennes designerede agent, hvad enten den foretages i henhold til lov eller retshandel i dette land, såvel som

(b) at førstnævnte kontraherende part eller dennes designerede agent er berettiget til i kraft af subrogation at udøve investorens rettigheder og gennemtvinge investorens fordringer og skal påtage sig forpligtelserne vedrørende investeringen.

Artikel 9

Tvister mellem en kontraherende part og en investor

(1) Enhver tvist, som måtte opstå mellem en investor fra den ene kontraherende part og den anden kontraherende part i forbindelse med en investering på den anden kontraherende parts territorium skal gøres til genstand for forhandlinger mellem tvistens parter.

(2) Hvis en tvist mellem en investor fra den ene kontraherende part og den anden kontraherende part fortsætter med at eksistere efter en periode på tre måneder skal investor være berettiget til at henføre sagen til enten

(a) Det Internationale Center for Bilæggelse af Investeringstvister i henhold til Konventionen om Bilæggelse af Investeringstvister mellem Stater og Statsborgere i andre Stater, der blev åbnet for undertegnelse i Washington den 18. marts 1965, i tilfælde af at begge kontraherende parter er medlemmer af denne konvention, eller

(b) en voldgiftsmand eller en international ad hoc voldgiftsdomstol nedsat i henhold de voldgiftsregler, der gælder for FN's Kommission for International Handelsret. Tvistens parter kan skriftligt træffe aftale om at ændre disse regler. Voldgiftsgodtgørelserne skal være endelige og bindende for begge parter i tvisten.

Artikel 10

Tvister mellem de kontraherende parter

(1) Tvister mellem de kontraherende parter vedrørende fortolkningen og anvendelsen af denne overenskomst bør så vidt muligt bilægges gennem forhandlinger mellem de kontraherende parter.

(2) Hvis en sådan tvist ikke kan bilægges inden for tre måneder fra forhandlingernes begyndelse, skal den efter anmodning fra enhver af de kontraherende parter forelægges for en voldgiftsdomstol.

(3) En sådan voldgiftsdomstol skal nedsættes for hver enkelt sag på følgende måde:

Inden for tre måneder fra modtagelsen af begæringen om voldgift, skal hver kontraherende part udpege et medlem af domstolen. Disse to medlemmer skal derpå vælge en statsborger fra et tredjeland, som med de kontraherende parters godkendelse skal udpeges til formand for domstolen. Formanden skal udpeges inden for tre måneder fra datoen for udpegelsen af de to andre medlemmer.

(4) Hvis de nødvendige udpegelser ikke har fundet sted inden for nogen af de angivne perioder, kan enhver af de kontraherende parter i mangel af anden aftale opfordre præsidenten for Den Internationale Domstol til at foretage de nødvendige udpegelser. Hvis præsidenten er statsborger i den ene kontraherende part, eller hvis han på anden måde er forhindret i at udføre den nævnte funktion, skal vicepræsidenten opfordres til at foretage de nødvendige udpegelser. Hvis vicepræsidenten er statsborger i den ene kontraherende part, eller hvis han også er forhindret i at udføre den nævnte funktion, skal det medlem af Den Internationale Domstol, som er den næste i anciennitet, og som ikke er statsborger i en af de kontraherende parter, opfordres til at foretage de nødvendige udpegelser.

(5) Voldgiftsdomstolen skal anvende bestemmelserne i denne overenskomst, andre overenskomster indgået mellem de kontraherende parter og folkerettens gældende procedureregler. Den skal træffe sin afgørelse ved flertalsafgørelse. En sådan afgørelse er endelig og bindende for begge kontraherende parter. Voldgiftsdomstolen fastsætter sin egen procedure.

(6) Hver kontraherende part skal bære omkostningerne for sit eget medlem ved domstolen og for sin repræsentation i voldgiftsagen. Omkostningerne til formanden og de øvrige omkostninger skal bæres ligeligt af de kontraherende parter.

Artikel 11

Ændringer

Ved ikrafttrædelsen af denne overenskomst eller hvilket som helst senere tidspunkt kan bestemmelserne i denne overenskomst ændres på en sådan måde, som de kontraherende parter er enige om. Sådanne ændringer skal træde i kraft, når de kontraherende parter har meddelt hinanden, at de forfatningsmæssige krav for ikrafttræden er blevet opfyldt.

Artikel 12

Konsultationer

(1) Enhver af de kontraherende parter kan foreslå den anden part at konsultere om en hvilkensomhelst sag, der vedrører anvendelsen af denne overenskomt. Konsultationerne skal efter forslag fra en af de kontraherende parter afholdes på et sted og et tidspunkt, der er opnået enighed om gennem diplomatiske kanaler.

(2) Konsultationer om anvendelsen af artikel 3, stk. 2 og 3, vil blive afholdt inden tre år efter denne overenskomsts ikrafttræden. Disse konsultationer vil finde sted med henblik på at opnå enighed om, hvorvidt national behandling kan anvendes og artikel 3, stk. 2 og 3 ændres i overensstemmelse hermed.

Artikel 13

Overenskomstens anvendelsesområde

Bestemmelser i denne overenskomst skal omfatte investeringer foretaget af den ene kontraherende parts investorer på den anden kontraherende parts territorium efter 29. december 1987.

Artikel 14

Territorial udvidelse

Med forbehold af artikel 1 skal denne overenskomst ikke gælde for Færøerne og Grønland.

Bestemmelserne i denne overenskomst kan udvides til at omfatte Færøerne og Grønland i henhold til aftale herom ved noteveksling mellem de kontraherende parter.

Artikel 15

Ikrafttræden

Denne overenskomst træder i kraft tredive dage efter den dato, på hvilken de kontraherende parters regeringer skriftligt har meddelt hinanden, at de forfatningsmæssige krav for denne overenskomsts ikrafttræden er blevet opfyldt.

Artikel 16

Varighed og ophør

(1) Denne overenskomst skal forblive i kraft i ti år og skal derefter fortsat være i kraft, medmindre en kontraherende part efter udløbet af den oprindelige periode på ti år, skriftligt meddeler den anden kontraherende part sin hensigt om at opsige overenskomsten. Meddelelsen om opsigelse får virkning et år efter, at den er modtaget af den anden kontraherende part.

(2) For så vidt angår investeringer foretaget før den dato, hvor meddelelsen om opsigelse af denne overenskomst får virkning, skal bestemmelserne i artiklerne 1 til 10 forblive i kraft for yderligere en tiårsperiode fra denne dato.

TIL BEKRÆFTELSE HERAF har undertegnede, behørigt bemyndigede af deres respektive regeringer, underskrevet denne overenskomst.

UDFÆRDIGET i to eksemplarer i Hanoi den 25. august 1993 på vietnamesisk, dansk og engelsk, idet alle tekster skal have samme gyldighed.

I tilfælde af uenighed om fortolkningen skal den engelske tekst have forrang.

For den socialistiske republik Vietnams Regering

.....

For Kongeriget Danmarks Regering

.....

Agreement

between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Denmark concerning the Promotion and Reciprocal Protection of Investments.

Preamble

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Denmark,

DESIRING to create favourable conditions for investments in both States and to intensify the co-operation between enterprises in both States with a view to stimulating the productive use of resources,

RECOGNIZING that a fair and equitable treatment of investments on a reciprocal basis will serve this aim,

HAVE AGREED as follows:

Article 1

Definitions

For the purpose of this Agreement,

(1) The term "investment" shall mean every kind of asset connected with economic activities acquired for the purpose of establishing lasting economic relations between an investor and an enterprise irrespective of the legal form including joint ventures and including any share of the capital to which investors are entitled as well as any capital appreciation and in particular, but not exclusively:

(i) shares, parts or any other form of participation in companies incorporated in the territory of one Contracting Party,

(ii) returns reinvested, claims to money or other rights relating to services having a financial value,

(iii) movable and immovable property, as well as any other rights as mortgages, privileges, guarantees and any other similar rights as defined in conformity with the law of the Contracting Party in the territory of which the property in question is situated,

(iv) industrial and intellectual property rights, technology, trademarks, goodwill, know-how and any other similar rights,

(v) business concessions conferred by law or by contract, including the concessions related to natural resources.

(vi) goods that under a leasing agreement, in relation to an investment under this agreement, are placed at the disposal of a lessee in the territory of one Contracting Party in conformity with its laws and regulations shall be treated not less favourable than an investment.

(2) The term "returns" shall mean the amounts yielded by an investment and in particular though not exclusively, includes profit, interest, capital gains, dividends, royalties or fees. Such amounts, and in case of reinvestment amounts yielded from the reinvestment, shall be given the same protection as the investment.

(3) The term "investor" shall mean with regard to either Contracting Party.

(a) Natural persons having status as nationals of either Contracting Party according to its law.

(b) Any entity established in accordance with, and recognized as a legal person by the law of that Contracting Party, such as corporations, firms, associations, development finance institutions, foundations or similar entities irrespective of whether their liabilities are limited and whether or not their activities are directed at profit.

(4) The term "territory" shall mean in respect of each Contracting Party the territory under its sovereignty and the sea and submarine areas over which the Contracting Party exercises, in conformity with international law, sovereignty, sovereign rights or jurisdiction.

(5) "Contracting Party" shall mean the Kingdom of Denmark or the Socialist Republic of Vietnam as the context requires.

(6) The term "without delay" shall be deemed to be fulfilled if a transfer is made within such period as is normally required by international financial custom.

Article 2

Promotion of Investment

Each Contracting Party shall admit the investments by investors of the other Contracting Party in accordance with its legislation and administrative practice, and promote such investments as far as possible, including facilitating the establishment of representative offices.

Article 3

Protection of Investment

(1) Investments of investors of either Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in the territory of the other Contracting Party. Neither Contracting Party shall in any way impair by unreasonable or discriminatory measures the management, maintenance, use, enjoyment or disposal of investments in its territory of investors of the other Contracting Party.

(2) Neither Contracting Party shall in its territory in accordance with its laws and regulations subject investments made by investors of the other Contracting Party or returns of such investments to treatment less favourable than that which it accords to investments or returns of its own investors or any third State (whichever of these standards is more favourable from the point of view of the investor).

(3) Neither Contracting Party shall in its territory in accordance with its laws and regulations subject investors of the other Contracting Party, as regards their management, maintenance, use, enjoyment or disposal of their investment or returns, to treatment less favourable than that which it accords to its own investors or to investors of any third State (whichever of these standards is the more favourable from the point of view of the investor).

Article 4

Exceptions

(1) The provisions of this Agreement relative to the granting of treatment not less favourable than that accorded to the investors of either Contracting Party or of any third State shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from:

(a) any existing or future customs union, regional economic organisations, or similar international agreement to which either of the Contracting Parties is or may become a party, or

(b) any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation or any domestic legislation relating wholly or mainly to taxation.

(2) The provisions of article 7, section 1 of this Agreement shall be without prejudice to the right of one Contracting Party to take protective measures in respect of capital movements of an investor of the other Contracting Party provided such measures are taken in accordance with multilateral agreements to which either of the Contracting Parties is or may become a party.

Article 5

Expropriation and Compensation

Investments of investors of either Contracting Party shall not be nationalized, expropriated or subjected to measures having effect equivalent to nationalisation or expropriation (hereinafter referred to as "expropriation") in the territory of the other Contracting Party except for a public purpose related to the internal needs of the expropriating Party, on a

basis of non-discrimination and against prompt adequate and effective compensation. Such compensation shall amount to the market value of the investment expropriated immediately before the expropriation or impending expropriation became public knowledge, shall be made without delay and shall include interest at LIBOR until the date of payment, be effectively realisable in convertible currency and be freely transferable. There shall be legal provision giving an investor concerned a right to prompt review of the legality of the measure taken against the investment and of their valuation in accordance with the principles set out in this paragraph by due process of law in the territory of the Contracting Party making the expropriation.

Article 6

Compensation for Losses

Investors of one Contracting Party whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or other armed conflict, revolution, a state of national emergency, revolt, insurrection, riot in the territory of the latter Contracting Party, shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, no less favourable than that which the latter Contracting Party accords to its own investors or to investors of any third State (whichever of these standards is the more favourable from the point of view of the investor). Payments resulting from any provision in this Article shall be freely transferable, made without delay and be effectively realisable in convertible currency.

Article 7

Repatriation and Transfer of Capital and Returns

(1) Each Contracting Party shall without delay allow the transfer of:

(a) the invested capital or the proceed of total or partial liquidation or alienation of the investment;

(b) the returns realized;

(c) the payments made for the reimbursement of the credits for investments and interests due;

(d) an approved portion of the earnings of the expatriates who are allowed to work in an investment made in the territory of the other Contracting Party.

(2) Transfers of currency pursuant to Article 5, 6 and section (1) of this Article shall be made in the convertible currency in which the investment has been made or in any convertible currency if so agreed by the investor, at the official rate of exchange in force at the date of transfer.

Article 8

Subrogation

If one Contracting Party or its designated agency makes payment to its own investors under a guarantee it has accorded in respect of an investment in the territory of the other Contracting Party, the latter Contracting Party shall recognize:

(a) the assignment, whether under the law or pursuant to a legal transaction in that country, of any right or claim by the investor to the former Contracting Party or to its designated agency as well as

(b) that the former Contracting Party or its designated agency is entitled by virtue of subrogation to exercise the rights and enforce the claims of that investor and shall assume the obligations related to the investment.

Article 9

Disputes between a Contracting Party and an Investor

(1) Any dispute which may arise between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party in connection with an investment on the territory of that other Contracting Party shall be subject to negotiations between the parties in dispute.

(2) If any dispute between an investor of one Contracting Party and the other Contracting Party continues to exist after a period of three months, investor shall be entitled to submit the case either to:

(a) the International Centre for Settlement of Investment Disputes having regard to the applicable provisions of the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States opened for signature at Washington D.C. on 18 March 1965, in case both Contracting Parties have become parties to this Convention, or

(b) an arbitrator or international ad hoc arbitral tribunal established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law. The parties to the dispute may agree in writing to modify these Rules. The arbitral awards shall be final and binding on both Parties to the dispute.

Article 10

Disputes between the Contracting Parties

(1) Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation and application of this Agreement should, as far as possible, be settled through negotiations between the Contracting Parties.

(2) If such a dispute cannot be settled within three months from the beginning of negotiations, it shall upon the request of either Contracting Party, be submitted to an arbitral tribunal.

(3) Such an arbitral tribunal shall be constituted for each individual case in the following way:

Within three months of the receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the tribunal. Those two members shall then select a national of a third State, who on approval by the Contracting Parties shall be appointed Chairman of the tribunal. The Chairman shall be appointed within three months from the date of appointment of the other two members.

(4) If within any of the periods specified the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other agreement, invite the President of the International Court of Justice to make any necessary appointments. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President is a national of either Contracting Party or if he, too, is prevented from discharging the said function, the Member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

(5) The arbitral tribunal shall apply the provisions of this Agreement, other Agreements concluded between the Contracting Parties, and the procedural standards called for by international law. It shall reach its decision by a majority of votes. Such decision shall be final and binding on both Contracting Parties. The arbitral tribunal determines its own procedure.

(6) Each Contracting Party shall bear the cost of its own member of the tribunal and of its representation in the arbitral proceedings. The cost of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties.

Article 11

Amendments

At the time of entry into force of this Agreement or at any time thereafter the provisions of this Agreement may be amended in such manner as may be agreed between the Contracting Parties. Such amendments shall enter in force when the Contracting Parties have notified each other that the constitutional requirement for the entry into force have been fulfilled.

Article 12

Consultations

(1) Either Contracting Party may propose the other Party to consult on any matter affecting the application of the present Agreement. These consultations shall be held on the proposal of one of the Contracting Parties at a place and at a time agreed upon through diplomatic channels.

(2) Consultations on the application of Article 3, section 2 and 3, will be held within 3 years after the entering into force of this Agreement. These consultations will take place with a view to agreeing upon whether full national treatment can be applied and Article 3, section 2 and 3 amended accordingly.

Article 13

Applicability of this Agreement

The provisions of this Agreement shall apply to investments made by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party after 29 December, 1987.

Article 14

Territorial Extension

Subject to Article 1 the present Agreement shall not apply to the Faroe Islands and Greenland.

The provisions of this Agreement may be extended to the Faroe Islands and Greenland as may be agreed between the Contracting Parties in an Exchange of Notes.

Article 15

Entry into Force

This Agreement shall enter into force thirty days after the date on which the Governments of the Contracting Parties have notified each other that the constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled.

Article 16

Duration and Termination

(1) This Agreement shall remain in force for a period of ten years and shall continue in force thereafter unless, after the expiry of the initial period of ten years, either Contracting Party notifies in writing the other Contracting Party of its intention to terminate this Agreement. The notice of termination shall become effective one year after it has been received by the other Contracting Party.

(2) In respect of investments made prior to the date when the notice of termination of this Agreement becomes effective, the provisions of Articles 1 to 10 shall remain in force for a further period of ten years from that date.

In witness whereof the undersigned, duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in duplicate at Hanoi on 25 August, 1993 in the Vietnamese, Danish and English languages, all texts being equally authentic.

In the case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam

For the Government of the Kingdom of Denmark

Hanoi, 25 August 1993

Sir,

I have the honour to refer to the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Denmark concerning the Promotion and Reciprocal Protection of Investments signed on 25 August 1993.

It is the understanding of the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Denmark that for the purpose of Article 3, section 2 and 3 and Article 12, section 2 of the said Agreement, the Government of the Socialist Republic of Vietnam informs that it accepts the principle for according to investors covered by the agreement treatment no less farourable than that accorded its own investors. However, due to the transition period of economic reforms presently taking place the Government of the Socialist Republic of Vietnam is not able as of yet to fully and promptly apply this principle, a situation which is presently reflected in its laws and regulations.

However, the two governments have agreed to hold consultations, the first time within 3 years after the Agreement has entered into force, with a view to agreeing upon whether at that time it might be possible to apply full national treatment without exceptions in the laws and regulations of the Socialist Goverment of Vietnam. When such agreement has been reached between the two Governments, the Government of the Socialist Republic of Vietnam accepts that Article 3, section 2 and 3 should be ammended accordingly.

Mr. Mogens Lykketoft

Minister of Finance

Kingdom of Denmark

I have the honour to propose that this note, which is authentic in the English language, and your reply to that effect shall constitute the understanding between our two Governments and shall be regarded as an integral part of the said Agreement.

I avail myself of this opportunity to renew to you, sir, the assurances of my highest consideration.

Mr. Dau Ngoc Xuan

Minister Chairman

of State Committee for

Co-operation and Investment

Socialist Republic of Vietnam

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS

Copenhagen, 25 August 1993

Sir,

I have the honour to refer to your Note dated 25 August 1993.

I have further the honour to confirm the understanding of the Government of the Kingdom of Denmark and the Government of the Socialist Republic of Vietnam that for the purpose of Article 3, section 2 and 3 and Article 12, section 2 of the said Agreement, the Government of the Socialist Republic of Vietnam informs that it accepts the principle of according to investors covered by the agreement treatment no less favourable than that accorded to its own investors. However, due to the transition period of economic reforms presently taking place the Government of the Socialist Republic of Vietnam is not able as of yet to fully and promptly apply this principle, a situation which is presently reflected in its laws and regulations.

However, the two governments have agreed to hold consultations, the first time within 3 years after the Agreement has entered into force, with a view to agreeing upon whether at that time it might be possible to apply full national treatment without exceptions in the laws and regulations of the Socialist Government of Vietnam. When such agreemnet has been reached between the two Governments, the Government of the Socialist Republic of Vietnam accepts that Article 3, section 2 and 3 should be ammended accordingly.

Mr. Dau Ngoc Xuan
Minister Chairman of State Committee for
Co-operation and Investment
Socialist Republic of Vietnam

I confirm that Your Note dated 25 August 1993 and my reply, which is authentic in the English language, shall constitute the understanding between our two Governments and shall be regarded as an integral part of the said Agreement.

I avail myself of this opportunity to renew to you, Sir, the assurances of my highest consideration.

Mogens Lykketoft
Minister of Finance
Kingdom of Denmark